TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 18/3/2019
"V/v tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Phạm Quốc Tuấn

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 407/2018/TLST-DS, ngày 03/12/2018. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐST-DS, ngày 04/3/2019 giữa:

* Nguyên đơn: Ông Trương Ngọc X, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị B, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B.. là: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp VK, xã BA, huyện X, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị Bé D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An. (Có yêu cầu độc lập)

Người đại diện theo ủy quyền của bà D là: Ông Trương Ngọc X, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th là: Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

(Ông X, bà B, bà B có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2018, ngày 22/11/2018, ngày 05/12/2018 và lời trình bày của nguyên đơn ông Trương Ngọc X có nội dung như sau:*

Trước đây, vợ chồng ông có tham gia 3 dây hụi của bà Lê Thị B (tên thường gọi là Út Ny) làm đầu thảo, gồm hụi 1.000.000đ, 2.000.000đ, 5.000.000đ. Do lâu quá nên ông không nhớ cụ thể việc tham gia hụi như thế nào, không nhớ số tiền đã đóng. Sau đó, bà B.. tuyên bố bể hụi. Ông và bà B.. có gặp nhau thống nhất bà B.. còn thiếu vợ chồng ông và người con dâu là Nguyễn Thị Bé D số tiền hụi là 65.000.000đ. Trong đó thiếu ông 9 lần x 5.000.000đ = 45.000.000đ; thiếu bà D 4 lần x 5.000.000đ = 20.000.000đ.

Do bà Lê Thị Ngọc B có nợ bà B.. 65.000.000đ nên 3 bên gặp nhau và thống nhất chuyển nợ từ bà B.. sang bà B. Ngày 21/7/2017 dương lịch, bà B.. có làm giấy tay cho ông với nội dung:

"Hụi thiếm mười chơi 5.000.000đ

Hai tháng khui 1 lần,

đóng cho thiếm năm Xem là 9 lần,

dâu của thiếm năm là 4 lần,

thiếm mười sẽ ký tên dô tại tờ giấy nầy;

là cam kết ký tên dô

21/7/2017

người chủ hụi Lê Thị B ký tên, người chơi hụi Lê Thị Ngọc B ký tên,

25/8/2017

tôi đóng cho chú 5 là 13 lần".

Giấy tay này do bà B.. tự ghi và ký tên Lê Thị B, còn phần người chơi hụi là do bà Lê Thị Ngọc B ký tên và nội dung "25/8/2017 tôi đóng cho chú 5 là 13 lần" là do bà B ghi.

Từ ngày 21/7/2017, bà B.. không còn nợ ông nữa mà người nợ ông là bà B với số tiền 45.000.000đ. Khi bà B viết giấy tay này có ông, bà B.., bà B. Ông và bà D không ký tên nhưng đồng ý bà B sẽ trả 65.000.000đ cho ông và bà D.

Thực hiện thỏa thuận, bà B đã trả cho ông 5 lần được 12.000.000đ vào các ngày 30/8/2017, 11/11/2017, 11/01/2018 mỗi lần trả 2.000.000đ. Các ngày 6/10/2017, 10/12/2017 mỗi lần trả 3.000.000đ. Từ ngày 11/01/2018 âm lịch đến nay bà B không có trả cho ông thêm bất kỳ khoản tiền nào nữa.

Như vậy, bà B còn nợ vợ chồng ông 33.000.000đ. Nay ông đồng ý cho bà B trả dần cho ông mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian trả tiền bắt đầu từ tháng 4 năm 2019, ngày trả tiền là ngày 28 tây hàng tháng, cho đến khi bà B trả hết số nợ trên cho ông.

Trường hợp bà B vi phạm thỏa thuận trả tiền hàng tháng thì vợ chồng ông có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ khoản tiền nợ mà bà B còn phải trả.

** Bị đơn bà Lê Thị Ngọc B trình bày tại bản tự khai ngày 14/01/2019 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau*:

Về phần hụi giữa ông X và bà B.. bà không có liên quan gì. Bà có tham gia hụi do bà B.. làm đầu thảo, bà còn nợ bà B.. 65.000.000đ. Do các dây hụi bà B.. bị bể, bà nghĩ đóng cho ai cũng vậy nên đã đồng ý cấn nợ từ bà B.. qua vợ chồng ông X.

Không nhớ ngày nào, ông X đưa giấy tay ngày 21/7/2017 cho bà rồi kêu ký tên. Khi ký tên, bà B.. nói là ký để sau này đóng tiền cho vợ chồng ông X. Do không suy nghĩ nên bà đã ký vào giấy này. Bà chỉ biết nợ ông X tổng cộng 13 lần là 65.000.000đ. Bà chỉ biết nợ ông X thôi không biết dâu ông X là ai. Bà đã đóng cho bà B 5 lần là 12.000.000đ.

Bà đồng ý trả cho ông X 33.000.000đ, bà D 20.000.000đ như ông X trình bày. Bà thống nhất trả cho ông X mỗi tháng 1.5000.000đ, trả cho bà D mỗi tháng 1.000.000đ vào ngày 28 tây hàng tháng, thời gian trả tiền bắt đầu từ tháng 4 năm 2019.

**Bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà thống nhất với yêu cầu của ông X, không bổ sung gì thêm.

**Bà Nguyễn Thị Bé D (có yêu cầu độc lập) do ông Trương Ngọc X làm người đại diện trình bày:*

Bà D có tham gia 2 hụi do bà B.. là chủ thảo gồm hụi 1.000.000đ và hụi 5.000.000đ. Ông không rõ về thời gian cũng như số tiền hụi đã đóng như thế nào. Hụi bị bể, gút lại bà B.. thiếu bà D 20.000.000đ. Bà B thiếu tiền bà B.. nên bà D cũng thống nhất cấn nợ từ bà B.. qua bà B. Số tiền 12.000.000đ là bà B trả cho vợ chồng ông X chứ chưa có trả cho bà D nên yêu cầu bà B trả cho bà D 20.000.000đ.

Nay bà D đồng ý cho bà B trả dần cho bà mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian trả tiền bắt đầu từ tháng 4 năm 2019, vào ngày 28 tây hàng tháng cho đến khi bà B trả hết số tiền trên cho bà D.

Trường hợp bà B vi phạm thỏa thuận trả tiền hàng tháng thì bà D có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ khoản tiền nợ mà bà B còn phải trả.

** Bà Lê Thị B do bà Trần Thị Hồng X làm đại diện trình bày:*

Vào năm 2016 bà B.. có làm chủ dây hụi 5.000.000đ, hụi khui hai tháng một lần, khui ngày 10/2/2016 (AL) gồm 26 phần, bà B có tham gia chơi một phần. Bà B.. yêu cầu bà Th (con của bà B) phải bảo lảnh cho việc chơi hụi của bà B thì bà mới đồng ý cho bà B tham gia, nên trong phiêu hụi ghi tên Thúy.

Bà Th và bà B bỏ phiêu lần thứ nhất hốt được 86.250.000đ, bà B.. giao tiền hụi cho bà Th và bà B. Sau khi hốt hụi xong bà B chỉ đóng được 13.800.000đ rồi ngưng không đóng nữa. Đến tháng 7/2017 ông Trương Ngọc X yêu cầu bà B.. hoàn trả tiền hụi tham gia chơi, bà B.. đã cấn trừ hụi của bà B, bà Th sang cho ông X. Sau khi tính toán số tiền ông X đã đóng cho bà B.. được 9 lần là 45.000.000đ và con dâu ông X là bà Nguyễn Thị Bé D đã đóng cho bà B.. được 4 lần cùng dây hụi này là 20.000.000đ. Giữa bà B.., ông X và bà B có làm giấy

tay thỏa thuận với nội dung "Hụi thiếm Mười chơi 5.000.000 hai tháng khui một lần đóng cho thiếm Năm Xem là 9 lần, dâu của thiếm Năm là 4. Thiếm Mười sẽ ký tên vô tại tờ giấy này, là cam kết ký tên vô 21-7-2017. Người chủ hụi Lê Thị B (ký tên); người chơi hụi Lê Thị Ngọc B (ký tên) và bà B tự viết thêm 25-8-2017 tôi đóng cho chú 5 là 13 lần". Sự việc cấn trừ giữa ba người thống nhất với nhau, bắt đầu từ tháng 8/2017 bà B có đóng hụi cho ông X như thỏa thuận hay không thì bà B.. không biết. Bà Xuyến đại diện cho bà B.. xác định không có yêu cầu gì trong vụ án này do các bên đã thống nhất thỏa thuận với nhau.

* *Bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:* Vào ngày 03/3/2016, mẹ bà là Lê Thị Ngọc B có chơi hụi do bà B.. làm chủ, hụi mệnh giá 5.000.000đ, hai tháng khui một lần, hụi gồm 25 phần. Bà B bỏ phiêu 1.550.000đ được hốt hụi lần đầu tiên, sau khi trừ tiền cò bà B.. giao cho bà B số tiền 83.750.000đ. Trong khi giao hụi, bà B.. buộc bà phải bảo lãnh cho bà B và ký tên vào giấy bảo lãnh thì bà B.. mới đồng ý giao số tiền hụi trên. Vì thời điểm đó bà làm công nhân có đủ khả năng đóng hụi cho bà B... Bà B đã đóng hụi chết cho bà B.. được 12 lần còn 13 lần nữa là mãn hụi thì bà B.. bị bể hụi. Trong khi đó, bà B.. nợ tiền hụi của ông X số tiền tương ứng với số tiền bà B nợ bà B.. nên ba người thống nhất thỏa thuận bà B đóng hụi trực tiếp cho ông X.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Long An: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Tranh chấp đòi tài sản" được quy định tại điều 166 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 điều 26, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện của bà B.. có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Trương Ngọc X, bà Nguyễn Thị B xác định chỉ yêu cầu bà Lê Thị Ngọc B trả số tiền 33.000.000đ, nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000đ. Do số tiền này là của bà Nguyễn Thị Bé D. Việc rút đơn của ông X, bà B là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được chấp nhận. Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự xác định không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào mới.

[2] Về nội dung vụ án:

Các đương sự thống nhất: Bà B.. có nợ hụi vợ chồng ông X 45.000.000đ, nợ hụi bà D 20.000.000đ. Bà B nợ hụi bà B.. 65.000.000đ. Các dây hụi này không liên quan với nhau. Do thời gian xảy ra hụi quá lâu nên các đương sự không nhớ cụ thể ngày tháng và diễn biến quá trình tham gia hụi. Đến ngày 21/7/2017 dương lịch, bà B.., ông X, bà B 3 bên thống nhất bà B sẽ là người có nghĩa vụ trả tiền cho ông X, bà D tổng cộng là 65.000.000đ. Giấy tay ngày 21/7/2017 do bà B.. ghi và ký tên bên chủ hụi, bà B ký tên bên người chơi hụi và bà B ghi "tôi đóng cho chú 5 là 13 lần"

Bà B đã trả cho vợ chồng ông X 5 lần được 12.000.000đ vào các ngày 30/8/2017, 11/11/2017, 11/01/2018 mỗi lần trả 2.000.000đ. Còn các ngày 6/10/2017, 10/12/2017 mỗi lần trả 3.000.000đ. Đến nay, bà B không có trả cho ông X thêm bất kỳ khoản tiền nào nữa.

Ông X xác định bà B còn nợ ông X 33.000.000đ, nợ bà D 20.000.000đ. Bà B thì cho rằng bà chỉ nợ một mình ông X là 13 lần x 5.000.000đ = 65.000.000đ. Tuy nhiên, bà B cũng thống nhất trả nợ cho ông X, bà B và bà D như sau: Trả cho ông X, bà B mỗi tháng 1.5000.000đ, trả cho bà D mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian trả tiền bắt đầu từ tháng 4 năm 2019 vào ngày 28 tây hàng tháng cho đến khi trả hết số tiền trên cho ông X, bà B và bà D.

Xét thấy, các đương sự thống nhất có sự chuyển giao nghĩa vụ trả tiền từ bà B.. sang bà B. Sự thỏa thuận này không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và được ông X, bà D đồng ý là phù hợp theo quy định tại Điều 370 bộ luật dân sự 2015. Đến nay, bà B đã trả cho ông X 12.000.000đ thì không trả thêm khoản tiền nào như đã thỏa thuận ngày 21/7/2017, nên yêu cầu khởi kiện của ông X, bà B và yêu cầu độc lập của bà D về việc yêu cầu bà B trả tiền là có căn cứ chấp nhận theo Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X. Về phần lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không X xét giải quyết.

Từ các phân tích trên, buộc bà B trả cho ông X, bà B 33.000.000đ và trả cho bà D 20.000.00đ nhưng được trả dần cụ thể trả cho ông X, bà B mỗi tháng 1.500.000đ, bà D 1.000.000đ, thời gian trả tiền bắt đầu từ tháng 4 năm 2019, ngày trả tiền là ngày 28 tây hàng tháng cho đến khi bà B trả hết số tiền trên cho ông X, bà B và bà D. Trường hợp bà B vi phạm thỏa thuận trả tiền hàng tháng thì ông X, bà B, bà D có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ khoản tiền nợ mà bà B còn phải trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 273, 217, 218, 219, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng điều 166, 370 Bộ luật dân sự năm 2015;

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc X và bà Nguyễn Thị B đối với yêu cầu đòi bà Lê Thị Ngọc B trả 20.000.000đ. Các đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc X, bà Nguyễn Thị B đối với bà Lê Thị Ngọc B về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Buộc bà Lê Thị Ngọc B phải trả cho ông Trương Ngọc X, bà Nguyễn Thị B số tiền là 33.000.000đ, nhưng được trả dần mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian trả tiền bắt đầu từ tháng 4 năm 2019 vào ngày 28 tây hàng tháng cho đến khi bà B trả hết số tiền nợ trên cho ông X, bà B.

3/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Bé D đối với bà Lê Thị Ngọc B về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Buộc bà Lê Thị Ngọc B phải trả cho bà Nguyễn Thị Bé D số tiền là 20.000.000đ, nhưng được trả dần mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian trả tiền bắt đầu từ tháng 4 năm 2019 vào ngày 28 tây hàng tháng cho đến khi bà B trả hết số tiền nợ trên cho bà D.

Trường hợp bà Lê Thị Ngọc B vi phạm thỏa thuận trả tiền hàng tháng thì ông Trương Ngọc X, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Bé D có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ khoản tiền nợ mà bà B còn phải trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bà B phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc B phải chịu 2.650.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Ngọc X, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Bé D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Trương Ngọc X, bà Nguyễn Thị B 1.325.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003978, ngày 23/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé D 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001623, ngày 07/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

5/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh Long An;*
- *THA, VKS huyện X;*
- *Các đương sự;*
-*Lưu AV, HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng